



FPT (HSX)
CTCP FPT

Báo cáo sơ lược Công ty

27 – 08 – 2010

Giá hiện tại: 70,000 đ/cp

Giá hợp lý : 92,000 – 96,500 đ/cp

Trịnh Ngọc Duyên - duyentn@hbse.com.vn

Việt Nam



Bảng 2: Một số chỉ số tài chính

CHỈ SỐ	
BV	19,180 đ
EPS dự kiến	8,799 đ
PE	7.955
PB	3.650

Nguồn: HBS Research

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Bảng 1: Thông tin chung

Tên pháp định:	CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
Tên quốc tế:	FPT Corporation
Tên viết tắt:	FPT Corp
Vốn điều lệ:	1,930.981 tỷ đồng
Trụ sở chính:	89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84-4) 7300 7300
Fax:	(84-4) 3768 7410
Website	http://fpt.com.vn

Nguồn: Bản điều lệ sửa đổi - Công ty Cổ phần FPT

Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2008 – 2009

	2007	2008	2009
Tổng tài sản (tỷ đồng)	5356.052	6124.834	10395.415
DTT (tỷ đồng)	13518.397	16429.737	18422.051
LNST (tỷ đồng)	880.271	1051.047	1405.874
Cổ tức (%)			25% (*)

Nguồn: Tổng hợp

(*): thêm 33.3% cổ tức = CP

Bảng 3.2: Khả năng thanh toán

	2006	2007	2008	2009	QI+II 2010
Khả năng thanh toán hiện hành	1.78	1.43	1.47	1.61	1.69
Khả năng thanh toán nhanh	1.45	0.96	1.09	1.31	1.32
Khả năng thanh toán tức thời	0.39	0.30	0.39	0.48	0.34
Khả năng thanh toán lãi vay	11.51	24.95	16.41	16.47	9.59

Nguồn: HBS Research

Từ bảng trên ta thấy:

- Khả năng thanh toán hiện hành của FPT không có biến động mạnh và có xu hướng ổn định ở mức 1.6_mức an toàn trong thời gian gần đây. Năm 2009, tỷ lệ này là 1.61 lần (cho biết 1 đồng nợ ngắn hạn được thanh toán bằng

1.61 đồng tài sản ngắn hạn)_tương đương tăng 9.52% so với năm 2008. Nguyên nhân do tài sản ngắn hạn năm 2009 tăng 64.8% so với năm 2008 (chủ yếu do khoản mục tiền và tương đương tiền năm 2009 cao gấp 1.86 lần năm 2008), trong khi đó, nợ ngắn hạn năm 2009 chỉ tăng 50.8% so với năm 2008. Điều đó thể hiện, khả năng thanh toán của FPT tăng dần. Và chỉ tiêu này trong 6 tháng lũy kế đầu năm 2010 chỉ đạt 1.69.

- Vì giá trị hàng tồn kho năm 2009 tăng 16.51% so với năm 2008, trong khi nợ ngắn hạn năm 2009 lại tăng 50.8% nên khả năng thanh toán nhanh của FPT năm 2009 là 1.31 (tăng 20.18% so với năm 2008). Đây là mức an toàn cho hoạt động thanh toán của FPT. Với kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2010, chỉ tiêu này chỉ đạt 1.32.

- Cùng với xu thế biến động của khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tức thời của FPT tăng dần. Do khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền năm 2009 tăng lên đạt 2310.51 tỷ đồng_gấp 1.86 lần năm 2008 nên khả năng thanh toán tức thời của FPT năm 2009 tăng 23.1% so với năm 2008. Và khả năng thanh toán tức thời của FPT giảm nhẹ xuống còn 0.34 trong 6 tháng đầu năm 2010.

- Khả năng thanh toán lãi vay của FPT cao, ở mức 16-17 lần trong 2 năm 2008, 2009 (giảm so với năm 2007 là 24.95 lần). Và chỉ tiêu này trong 6 tháng đầu năm 2010 ở mức an toàn là 9.59 lần.

Bảng 3.3: Khả năng hoạt động kinh doanh

	2006	2007	2008	2009	Q I+II 2010
Hiệu suất sinh lời trên TTS	3.34	2.52	2.67	1.77	0.85
Hiệu suất sử dụng TS ngắn hạn	3.74	3.11	3.52	2.40	1.15
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	34.60	21.04	17.05	11.23	5.20
Mức độ đảm nhiệm TTS	0.30	0.40	0.37	0.56	1.18
Vòng quay hàng tồn kho	18.09	8.08	10.95	10.32	4.24
Ký luân chuyển hàng tồn kho	20.18	45.18	33.33	35.36	86.05
Vòng quay khoản phải thu	7.55	8.93	10.63	9.76	4.86
Kỳ thu tiền bình quân	48.35	40.86	34.34	37.40	75.09
Vòng quay khoản phải trả	16.01	10.88	12.67	11.88	6.71
Kỳ trả tiền bình quân	22.80	33.55	28.80	30.72	54.43

Nguồn: HBS Research

- Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản của FPT có xu hướng giảm dần. Năm 2009 chỉ tiêu này là 1.77_cho biết bình quân 1 đồng tài sản trong công ty tạo ra được 1.77 đồng doanh thu thuần (giảm 33.7% so với năm 2008_do doanh thu thuần năm 2009 tăng 12.34% trong khi tổng tài sản tăng 69.7% so với năm 2008_chủ yếu do FPT đầu tư vào tài sản cố định (tăng 70.5% so với năm 2008) và tài sản ngắn hạn khác tăng 292.98%).

- Cùng xu hướng với hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản, hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn của FPT giảm dần. Năm 2009, chỉ tiêu này đạt 2.4 và sau 6 tháng đầu năm 2010, chỉ tiêu này chỉ còn 1.15.

- Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2009 là 11.23_giảm 34.13% so với năm 2008 (do doanh thu thuần năm 2009 tăng 12.34% trong khi giá trị TSCĐ lại tăng 70.5% so với năm 2008_do FPT đẩy mạnh đầu tư nhà cửa vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải tăng 330.053 tỷ đồng). Và 6 tháng đầu năm 2010, chỉ tiêu này giảm xuống còn 5.2_bằng ½ so với năm 2009.

- Ngược với xu thế biến động của các chỉ tiêu hoạt động trên, FPT có mức độ đảm nhiệm tổng tài sản tăng dần qua các năm (năm 2009 là 0.56) thể hiện số đồng tài sản được đầu tư để có thể tạo ra được một đồng doanh thu thuần tăng dần. Như vậy, có thể kết luận hiệu quả sử dụng tài sản của FPT giảm dần. FPT nên có những biện pháp thích hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

- Vòng quay hàng tồn kho của FPT khá cao và đạt mức ổn định 10 -11 vòng/năm trong năm 2008, 2009. Điều đó thể hiện hàng tồn kho được luân chuyển được 10 – 11 lần trong một kỳ sản xuất kinh doanh của FPT. Qua đó thể hiện khả năng hoạt động của FPT tốt, hàng hóa tồn kho được luân chuyển nhanh, ít hàng tồn, giảm lượng vốn ứ đọng nên hiệu quả sử dụng vốn cao. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho trong 6 tháng đầu năm 2010 là 8.06. Vì vòng quay hàng tồn kho như vậy, nên kỳ luân chuyển hàng tồn kho của FPT năm 2008, 2009 ở mức 33 ngày và 6 tháng đầu năm 2010 là 86 ngày.

- Vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2009 đạt 9.76 (giảm 8.2% so với năm 2008). Do đó, kỳ thu tiền bình quân của công ty năm 2009 là 37 ngày_thể hiện khoảng thời gian trung bình kể từ khi FPT bán sản phẩm và cung cấp dịch vụ đến lúc thu được tiền về là 37 ngày. Và kỳ trả tiền bình quân trong 6 tháng đầu năm 2010 tăng mạnh lên tới là 75 ngày_gấp gần 2 lần so với năm 2009.

- Vòng quay các khoản phải trả của FPT tương đối ổn định trong thời gian gần đây. Năm 2009 là 11.88_giảm 6% so với năm 2008. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán năm 2009 tăng 9.8% so với năm 2008 trong khi đó khoản mục phải trả người bán năm 2009 lại tăng 17.13%.

Kỳ trả tiền bình quân của FPT năm 2009 là 30.72 ngày_tức là trung bình sau 30.72 ngày từ khi mua hàng, Công ty phải thanh toán cho người bán tiền hàng. Và chỉ tiêu này trong 6 tháng đầu năm 2010 là 54.43 ngày.

Vì công ty có kỳ thu tiền bình quân lớn hơn kỳ trả tiền bình quân nên có thể kết luận FPT đang được chiếm dụng vốn của các công ty khác.

Bảng 3.4: Chỉ số đòn bẩy tài chính

	2006	2007	2008	2009	QI+II 2010
Chỉ số nợ	0.5	0.58	0.52	0.64	0.6
Số nhân VCSH	2.02	2.37	2.58	3.47	3.11

Nguồn: HBS Research

- Chỉ số nợ trên tổng tài sản của Công ty tương đối ổn định. Năm 2009, chỉ tiêu này là 0.64_tăng 23% so với năm 2008 do tổng nợ phải trả năm 2009 tăng 110.96% so với năm 2008, trong khi đó tổng tài sản chỉ tăng 69.73%. Do vào tháng 10 năm 2009, FPT đã phát hành thành công 1.800 tỷ VND trái phiếu kỳ hạn 3 năm kèm chứng quyền với mức lãi suất 7%, thấp nhất từ trước đến nay trên thị trường vốn Việt Nam (cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh). Mỗi một trái phiếu mệnh giá 1 tỷ VND có 1.158 chứng quyền được phát

hành. Mỗi chứng quyền tương đương với quyền mua 10 cổ phần. Chứng quyền có thể được thực hiện hàng năm từ năm 2011 tới năm 2013 với giá thực hiện chứng quyền là 920.250 VND/một chứng quyền. Nhằm bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ cho việc đầu tư dự án phát triển hạ tầng của một số công ty con. Đây là nguồn tài trợ rất lợi thế của FPT do lãi suất thấp, ổn định. Tuy nhiên, việc sử dụng số vốn này của FPT chưa thực sự hiệu quả vì số vốn huy động được hiện vẫn nằm trong tiền mặt và cá khoản đầu tư ngắn hạn với lợi nhuận hạn chế. Chỉ số này của FPT 6 tháng đầu năm 2010 là 0.6_mức khá hợp lý với đặc thù của ngành công nghệ thông tin.

- Cùng với xu hướng của chỉ số nợ, số nhân vốn chủ sở hữu của FPT tăng dần. Năm 2009, chỉ tiêu này đạt 3.47_tăng 34.5% so với năm 2008, lũy kế 6 tháng đầu năm nay đạt 3.11.

Như vậy, có thể nhận xét FPT có chính sách sử dụng đòn bẩy tài chính tương đối hợp lý, giúp cho Công ty có chi phí sử dụng vốn thấp, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 3.5: Khả năng sinh lợi

	2006	2007	2008	2009	QI+II 2010
ROA	15.71%	16.44%	17.16%	13.52%	7.75%
ROE	31.71%	38.92%	44.28%	46.87%	24.08%
EPS (đ/cp)	8,008	8,043	5,959	7,498	3,544

Nguồn: HBS Research

Từ bảng trên ta thấy: FPT có tỷ suất sinh lời cao. Cụ thể:

- ROA trong thời gian qua đều cao hơn 13%. Năm 2009 đạt 13.52%_giảm 21.2% so với năm 2008. Nguyên nhân là do LNST năm 2009 tăng 33.76% so với năm 2008 nhưng tổng tài sản năm 2009 lại tăng 69.73% so với năm 2008. 6 tháng đầu năm 2010, ROA đạt 7.75%.

- ROE tăng dần qua các năm. Năm 2009 đạt 46.87%_tăng 5.85% so với năm 2008 (do LNST năm 2009 tăng 33.76% so với năm 2008, trong khi vốn chủ sở hữu năm 2009 tăng 26.38% so với năm 2008). Tuy nhiên, chỉ tiêu này trong 6 tháng đầu năm 2010 chỉ đạt 24.08%_bằng 58% so với năm 2009.

- Chỉ tiêu thu nhập trên một cổ phiếu của FPT cao. Năm 2006, 2007 đạt trên 8,000 đ/cp. Năm 2008 giảm (do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới) xuống còn gần 6,000 đ/cp. Sang năm 2009, chỉ tiêu này tăng lên thành 7,498 đ/cp_tăng 25.83% so với năm 2008. Và chỉ tiêu này trong 6 tháng đầu năm 2010 là 3,544 đ/cp.

KẾT LUẬN:

Sau khi tiến hành phân tích báo cáo tài chính năm 2006 – 6 tháng đầu năm 2010, tôi nhận thấy Công ty cổ phần FPT có tình hình tài chính tương đối tốt. Cụ thể:

- Công ty có khả năng thanh toán tốt nhất là khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán tức thời.
- Công ty có hiệu quả sử dụng tổng tài sản và TSCĐ cao nhưng có giảm trong năm 2009 do Công ty đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ

và sức cạnh tranh của mình.

- Chính sách tín dụng thương mại của FPT tương đối hợp lý. Và FPT được chiếm dụng vốn của các công ty khác.
- Chỉ số nợ của Công ty tương đối ổn định và tăng lên ở mức 0.64_năm 2009_cơ cấu vốn khá phù hợp giúp cho FPT tận dụng được nhiều lợi thế của đòn bẩy tài chính.
- FPT có tỷ suất sinh lời cao và EPS luôn ở mức hấp dẫn.

KẾ HOẠCH 2010-2011

Bảng 4: Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2010

	Lũy kế 6 tháng năm 2010	2010E
Vốn điều lệ	1934.805	1934.805
DTT(tỷ đồng)	9768.63	22996.00
LNST(tỷ đồng)	889.68	1700.00
LNST/DTT	9.11%	7.39%
LNST/Vốn điều lệ	45.98%	87.86%
Cổ tức/ Vốn điều lệ	-	15% (**)

Nguồn: Tổng hợp

*(**): thêm 25% cổ phiếu thưởng.*

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

- Tiền thân của Công ty FPT là Công ty Công nghệ Thực phẩm (tên tiếng Anh là The Food Processing Technology Company) thành lập ngày 13/09/1988.
- Ngày 27/10/1990, Công ty đã đổi tên thành Công ty Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT với tên giao dịch quốc tế là The Corporation for Financing and Promoting Technology.
- Tháng 03/2002, Công ty cổ phần hóa, tên Công ty được thay đổi thành Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (tên tiếng Anh vẫn giữ nguyên).

Bảng 5: Quá trình tăng vốn điều lệ của FPT

Thời gian	Số vốn tăng thêm (tỷ đ)	Vốn điều lệ (tỷ đ)
04/2002		2.00
04/2003	1.00	3.00
10/2003	12.00	15.00
05/2004	3.98	18.98
01/2005	7.35	26.33
08/2005	9.88	36.21
06/2006	18.52	54.73
10/2006	6.08	60.81
11/2006	547.29	608.10
06/2007	304.05	912.15
08/2007	11.37	923.53
06/2008	18.08	941.61
11/2008	470.02	1411.62
07/2009	26.70	1438.32
2010	496.49	1934.81

Nguồn: Tổng hợp

Bảng 6: Danh sách các công ty con của FPT (tại ngày 30/6/2010)

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ góp (%)	Vốn góp (tỷ đ)
1	CTCP Hệ thống Thông tin FPT	350.00	92.27%	322.95
2	CTCP Thương mại FPT	300.00	91.79%	275.37
3	Công ty TNHH Truyền thông và giải trí FPT	50.00	100%	50.00
4	Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	15.00	100%	15.00
5	Công ty TNHH Bất động sản FPT	30.00	100%	30.00
6	Công ty TNHH Khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT	150.00	100%	150.00
7	Đại học FPT	79.00	100%	79.00
8	CTCP Phần mềm FPT	367.17	66.07%	242.59
9	CTCP Viễn Thông FPT	593.98	43.75%	259.87
10	CTCP Dịch vụ trực tuyến FPT	41.14	51.03%	20.99
11	CTCP Đô thị FPT Đà Nẵng	350.00	99.80%	349.30
12	CTCP FPT Visky	24.00	100%	24.00
TỔNG				1819.06

Nguồn: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2010 của FPT

Bảng 6: Danh sách các Công ty liên kết có vốn đầu tư của FPT (tại ngày 30/6/2010)

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ góp (%)	Vốn góp (tỷ đ)
1	CTCP Chứng khoán FPT	440.0	25.00%	110.00
2	CTCP Quản lý quỹ FPT	110.0	33.00%	36.30
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong	1750.0	16.90%	295.75
TỔNG				442.05

Nguồn: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2010 của FPT

LĨNH VỰC KINH

DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

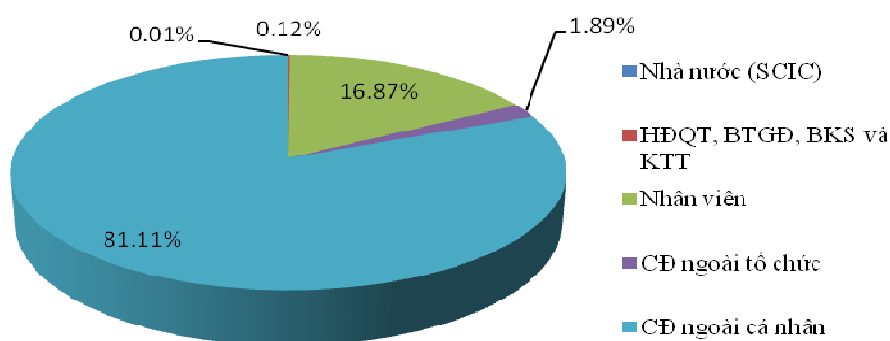
Công ty tiến hành hoạt động trên các lĩnh vực:

- Nghiên cứu, thiết kế, sản xuất chuyển giao công nghệ tin học và ứng dụng vào các công nghệ khác;
- Sản xuất phần mềm máy tính;
- Cung cấp các dịch vụ Internet và giá trị gia tăng trên mạng;
- Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho công nghiệp phần mềm;
- Mua bán thiết bị, máy móc trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, môi trường, viễn thông, hàng tiêu dùng, ô tô, xe máy;
- Dịch vụ đầu tư chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường, giáo dục đào tạo, y tế;
- Sản xuất, chế tạo, lắp ráp tủ bảng điện;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị công nghệ thông tin;
- Kinh doanh dịch vụ kết nối Internet (IXP);
- Tư vấn, dịch vụ quảng cáo thương mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và phát hành phim ảnh, phim Video;
- Sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp lý);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các khu đô thị, khu công nghiệp và khu công nghệ cao;
- San lấp mặt bằng, thi công xử lý nền móng công trình;
- Trang trí, lắp đặt nội ngoại thất của các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt các thiết bị điện, nước, cấp cho các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Mua, bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị, máy dùng trong xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các khu công viên, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Mua, bán bản quyền các chương trình phát thanh và truyền hình;
- Thiết kế, thực hiện các sản phẩm quảng cáo, truyền thông đa phương tiện, phim quảng cáo, biên tập video, âm thanh (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Thiết kế, đầu tư, xây dựng công trình đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trường học;
- Đào tạo mẫu giáo, tiểu học, trung học;
- Chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế;
- Dịch vụ tư vấn, mở phòng khám, chăm sóc sức khỏe;
- Các lĩnh vực khác khi điều kiện của Công ty cho phép do Hội đồng quản trị quyết định và phù hợp với quy định của Pháp luật.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Biểu đồ 1: Cơ cấu cổ đông (31/12/2009)



Nguồn: Bản cáo thường niên 2009 của FPT

TRIỂN VỌNG NGÀNH

Trong sự phát triển của nền kinh tế và những xu hướng công nghệ toàn cầu hóa, ngành Công nghệ thông tin và viễn thông cũng đang ở giai đoạn phát triển vũ bão với tốc độ phát triển gấp nhiều lần so với tốc độ phát triển chung của thế giới. Chính phủ đã có nhiều chính sách ưu đãi và các biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngành công nghệ phần mềm.

HOẠT ĐỘNG KINH

DOANH

Sản phẩm chính:

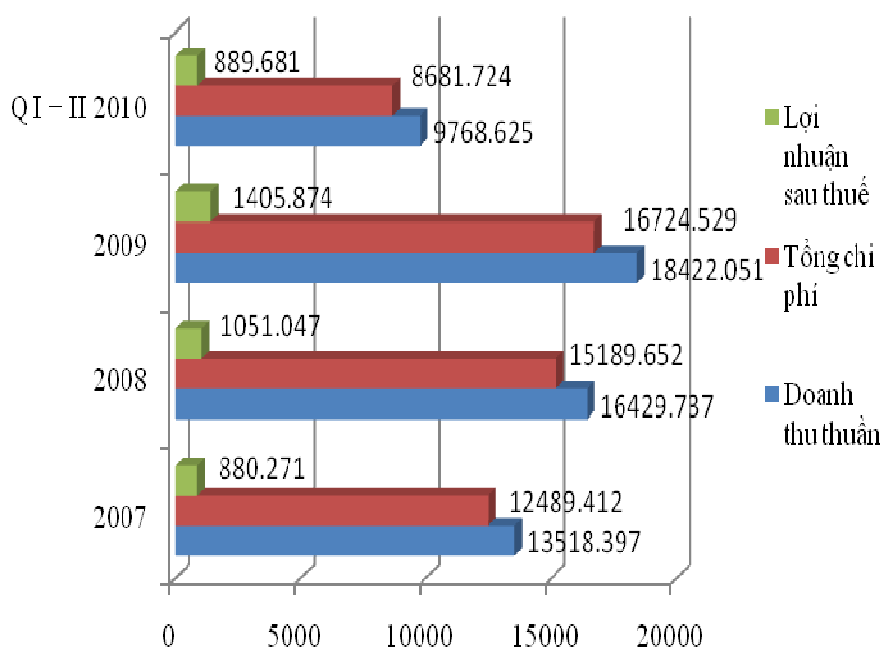
- Tích hợp hệ thống – Giải pháp phần mềm – Dịch vụ tin học: FPT luôn giữ vị trí số 1 về công nghệ, doanh thu và lợi nhuận tại Việt Nam, có tốc độ tăng trưởng bình quân 21%/năm. Sản phẩm trong lĩnh vực này phục vụ cho các ngành: tài chính, ngân hàng, viễn thông, dịch vụ công , an ninh – quốc phòng, giáo dục, y tế, doanh nghiệp...

- Xuất khẩu phần mềm bao gồm: Xây dựng phát triển phần mềm, Phát triển ứng dụng và bảo trì, Triển khai dịch vụ ERP, chuyển đổi công nghệ phần mềm, kiểm thử chất lượng phần mềm, phần mềm nhúng. Mạng kinh doanh này có tốc độ tăng trưởng bình quân 47%/năm và đứng vị trí số 1 Việt Nam.
- Viễn thông: FPT là một trong 4 nhà cung cấp đường truyền Internet đầu tiên tại Việt Nam, hiện chiếm 30% thị phần và có tốc độ tăng trưởng cao, xấp xỉ 50%/năm.
- Phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông: FPT hiện đang có mạng lưới phân phối lớn nhất tại Việt Nam với hơn 1500 đại lý tại 64 tỉnh thành trên cả nước. Đây là lĩnh vực đem lại doanh thu lớn nhất cho FPT.
- Sản xuất các sản phẩm công nghệ: máy tính, điện thoại di động,...
- Nội dung số: VnExpress – Báo điện tử Tin nhanh hàng đầu Việt Nam với khoảng hơn 20 triệu truy cập/ngày; nghe nhạc trực tuyến, các trò chơi trực tuyến;... Đây là mảng kinh doanh sẽ được FPT đặc biệt chú trọng trong thời gian tới.
- Đào tạo: Đại học FPT hoạt động theo mô hình của trường Đại học thể hệ mới với triết lý giáo dục hiện đại. Đây là một lĩnh vực kinh doanh hứa hẹn sự tăng trưởng mạnh về quy mô và doanh số trong thời gian tới.

Tình hình hoạt động kinh doanh

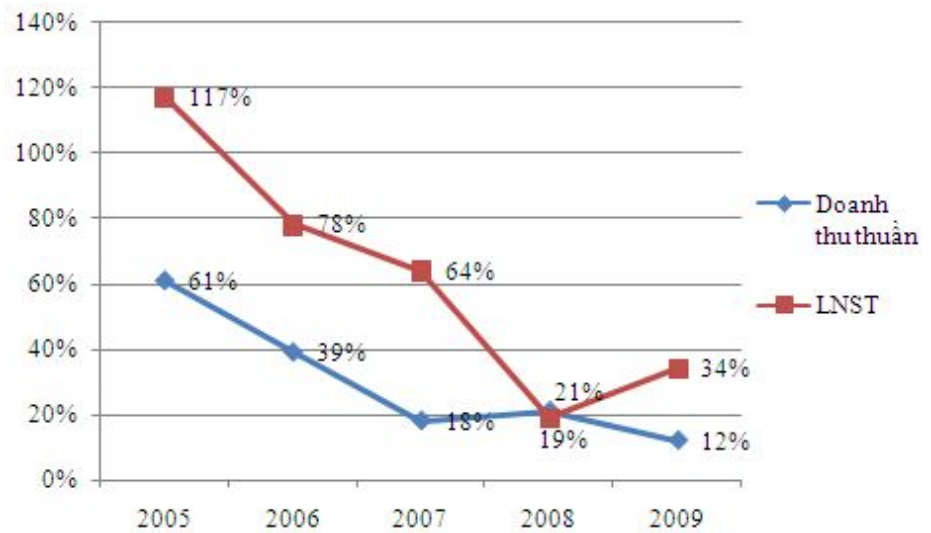
Biểu đồ 2: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 – quý II năm 2010

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Bản báo cáo tài chính FPT

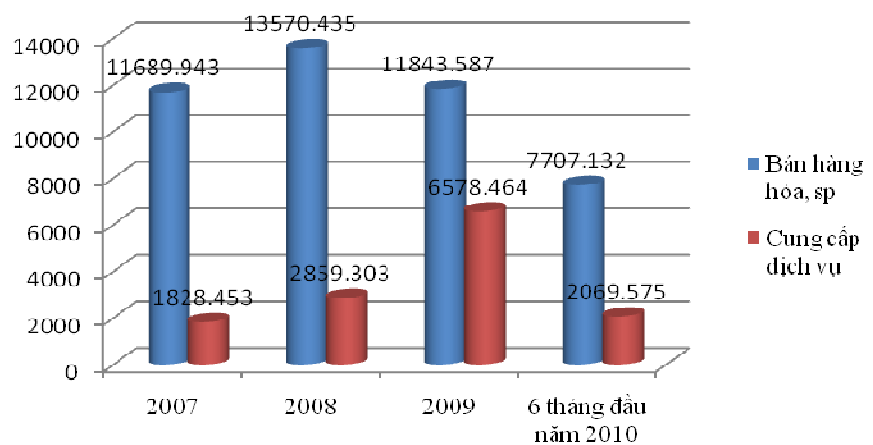
Biểu đồ 3: Tốc độ tăng trưởng doanh thu – lợi nhuận năm 2007 – năm 2009



Nguồn: Bản báo cáo tài chính FPT

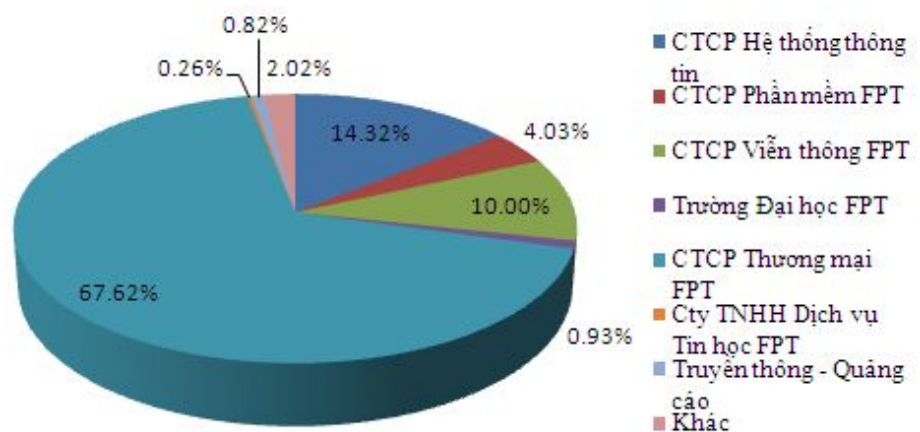
Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh thu năm 2007 – quý II năm 2010

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Bản báo cáo tài chính FPT

Biểu đồ 5: Cơ cấu doanh thu năm 2009



Nguồn: Bản báo cáo tài chính FPT

Năm 2008

Trong năm 2008, doanh thu thuần đạt 16429.737 tỷ đồng_tăng 21.54% so với năm 2007. Trong đó, doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm chiếm 82.6% tổng doanh thu, hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm 17.4%. Lợi nhuận sau thuế đạt 1051.047 tỷ đồng_tăng 19.4% so với năm 2007 do tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2008 giảm gần 4% so với năm 2007 (từ 85.35% năm 2007 xuống còn 81.58% trong năm 2008).

Năm 2009

Doanh thu thuần là 18422.051 tỷ đồng_tương đương tăng 12.13% so với năm 2008 do doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ tăng 130.07% nhưng hoạt động bán hàng hóa sản phẩm giảm 12.73% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế của FPT tăng 33.76% so với năm 2008 do chi phí hoạt động tài chính năm 2009 giảm gần 50 tỷ so với năm 2008.

Năm 2010

Doanh thu thuần đạt được sau 6 tháng đầu năm 2010 là 9768.625 tỷ đồng_chiếm 42.48% kế hoạch năm 2010 (trong đó doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm chiếm 78.83% tổng doanh thu và hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm 21.17%). Lợi nhuận sau thuế đạt 889.681 tỷ đồng.

DỰ ÁN

Xác định giá trị tài sản của FPT trong các dự án bất động sản

	Diện tích (m ²)	Giá đất (tr đ/m ²)		Tài sản ước tính (tỷ đồng)	
		Nhà nước	Thị trường	Nhà nước	Thị trường
FPT đường Phạm Hùng	4000	19.0	170.0	76.0	680.0
FPT 89 Láng Hạ	2700	42.0	250.0	113.4	675.0
FPT Đà Nẵng	1800	1.9	12.0	3.4	21.6
Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng	1810000	0.4	3.0	780.1	5,430.0
TTâm NCứu CNTT và sx phần mềm FPT	6200	1.8	17.0	11.2	105.4
Tổng	1824700			984.1	6,912.0

Dự án 1: Tòa nhà FPT Cầu Giấy đường Phạm Hùng:

- Địa điểm: đường Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Đặc điểm: gồm 15 tầng chính, 02 tầng kỹ thuật và 01 tầng hầm trên diện tích đất 4.000m², diện tích sử dụng là 20.000m², được thiết kế theo phong cách kiến trúc hiện đại, nhiều không gian văn phòng mở với hệ thống thang máy thông minh tốc độ cao, điều hoà trung tâm.
- Tòa nhà có vốn đầu tư 200 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: đi vào hoạt động từ 8/10/2007.

❖ **Xác định giá trị tài sản của dự án:**

	Diện tích (m ²)	Giá đất (tr đ/m ²)		Tài sản ước tính (tỷ đồng)	
		Nhà nước	Thị trường	Nhà nước	Thị trường
FPT đường Phạm Hùng	4,000	19.0	170.0	76.0	680.0

Dự án 2: Tòa nhà FPT 89 Láng Hạ:

- Địa điểm: 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Diện tích: 2.700 m², tổng diện tích xây dựng 26,000 m².
- Tổng vốn đầu tư dự kiến là 600 tỷ.
- Đặc điểm: chiều cao tối đa 108m với 27 tầng chính và 03 tầng hầm.
- Tiến độ dự án: Khởi công vào 4/2008 và dự kiến hoàn thiện vào 05/2012.



❖ **Xác định giá trị tài sản của dự án:**

	Diện tích (m ²)	Giá đất (tr đ/m ²)		Tài sản ước tính (tỷ đồng)	
		Nhà nước	Thị trường	Nhà nước	Thị trường
FPT 89 Láng Hạ	2,700	42.0	250.0	113.4	675.0

Dự án 3: Trụ sở FPT Đà Nẵng

- Địa điểm: khu công nghiệp Massda, quận Sơn Trà, Đà Nẵng.
- Diện tích: 1800 m².
- Đặc điểm: gồm 5 tầng, tòa nhà có thể đáp ứng chỗ làm cho 1200 nhân viên hoạt động trong ngành CNTT.



❖ Xác định giá trị tài sản của dự án:

	Diện tích (m ²)	Giá đất (tr đ/m ²)		Tài sản ước tính (tỷ đồng)	
		Nhà nước	Thị trường	Nhà nước	Thị trường
FPT Đà Nẵng	1,800	1.88	12.0	3.384	21.60

Dự án 4: Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng

- Địa điểm: phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn.
- Diện tích: 181 ha. Trong đó đại học FPT chiếm 25 ha.
- Tổng vốn đầu tư: 952 triệu USD.
- Tiến độ: đang tiến hành giải tỏa đền bù. Dự kiến 2012, khu đô thị sẽ hoàn chỉnh và đi vào khai thác sử dụng.



Phối cảnh Khu đại học FPT Đà Nẵng



Phối cảnh Khu Công viên phần mềm



Phối cảnh Khu biệt thự

❖ **Xác định giá trị tài sản của dự án:**

	Diện tích (m ²)	Giá đất (tr đ/m ²)		Tài sản ước tính (tỷ đồng)	
		Nhà nước	Thị trường	Nhà nước	Thị trường
Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng	1,810,000	0.431	3.0	780.11	5,430.0

Dự án 5: Trung tâm Nghiên cứu công nghệ thông tin viễn thông và sản xuất phần mềm FPT

- Địa điểm: tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố, cảng Sài Gòn và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất khoảng 15 – 17 km ở trung tâm vùng kinh tế động lực phía Nam.
- Tổng diện tích sàn xây dựng 59,654.2 m²
- Tổng vốn đầu tư dự kiến 144 tỷ đồng.

- Đặc điểm: Công trình được tách thành 03 khối công trình với tổng diện tích sàn phù hợp cho từng giai đoạn phát triển và sử dụng: Khối A cao 7 tầng, với tổng diện tích sàn là 14.886,0 m² phục vụ cho khoảng 2.000 người làm việc trong giai đoạn 01; Khối B cao 12 tầng và khối C cao 9 tầng.
- Tiến độ thực hiện: Dự kiến khoảng tháng 10/2010, tòa nhà sẽ đi vào hoạt động.



❖ **Xác định giá trị tài sản của dự án:**

	Diện tích (m ²)	Giá đất (tr đ/m ²)		Tài sản ước tính (tỷ đồng)	
		Nhà nước	Thị trường	Nhà nước	Thị trường
Trung tâm NCứu CNTT và sx phần mềm FPT	6,200	1.80	17.0	11.16	105.4

NHẬN ĐỊNH

FPT là doanh nghiệp Công nghệ thông tin – Viễn thông tư nhân lớn nhất tại Việt Nam (tại thời điểm ngày 30/6/2010 tổng tài sản là 11481.762 tỷ đồng và tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2010 là 9768.625 tỷ đồng). Với lợi thế về quy mô, nguồn nhân lực có tính chuyên nghiệp cao, FPT là ứng viên tiềm năng cho việc tham gia vào các chương trình phát triển của Chính phủ để hình thành các tập đoàn Công nghệ thông tin có quy mô quốc tế.

• **Định giá theo phương pháp tài sản:**

Bảng 11: Tổng giá trị tài sản ước tính của FPT

	tài sản ước tính (tỷ đồng)
Hoạt động góp vốn tại các công ty con	1,819.06
Hoạt động góp vốn vào các công ty liên kết	442.05
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6,912.00
TỔNG	9,173.56

Nguồn: HBS Research

Với mức tổng giá trị tài sản ước tính của FPT vào khoảng 9,173.56 tỷ đồng và vốn điều lệ năm 2010 là 1,928.198 tỷ đồng (số lượng cổ phiếu là 192.82 triệu cổ phiếu), giá trị tài sản tham gia các dự án và hoạt động đầu tư trên một cổ phiếu vào khoảng 462,843 đ/cp.

- ***Định giá theo phương pháp P/E:***

Với lợi nhuận dự kiến năm 2010 là 1700 tỷ đồng, với vốn điều lệ là 1934.805 tỷ đồng, số lượng cổ phiếu đang lưu hành năm 2010 là 193.202 triệu cổ phiếu. Chúng tôi dự kiến EPS dự kiến năm 2010 của FPT vào khoảng 8,799 đ/cp.

Hiện tại P/E trung bình của nhóm cổ phiếu ngành Công nghệ thông tin – Viễn thông vào khoảng 8 lần. Vì FPT là một tập đoàn lớn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin – Viễn thông, và có tỷ suất sinh lời cao. Do đó chúng tôi ước lượng P/E hợp lý của FPT năm 2010 dao động từ 10.5 – 11 lần. Do đó mức giá hợp lý của FPT năm 2010 vào khoảng 92,000 – 96,500 đ/cp.

KHUYẾN CÁO

Bản báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và lưu hành trong HBS, các chi nhánh và các khách hàng. Báo cáo này không hướng tới hoặc có ý định phân phối cho bất cứ cá nhân hay tổ chức là công dân hoặc sống tại những khu vực và lãnh thổ mà việc phân phối, xuất bản hoặc sử dụng nó trái với quy định và pháp luật của khu vực hoặc lãnh thổ đó.

Báo cáo không được coi là mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính và nhu cầu đặc biệt của người nhận được bản báo cáo. Thông tin và ý kiến trong báo cáo không và không nên được coi là một đề nghị, khuyến nghị thúc đẩy mua/bán một chứng khoán cụ thể, các thương vụ đầu tư liên quan hoặc các hoạt động đầu tư khác.

Thông tin trong bản báo cáo được lấy từ những nguồn được coi là chính xác và hợp lý tại thời điểm phát hành bản báo cáo. Chúng tôi không đảm bảo rằng bản báo cáo bao hàm tất cả những thông tin nhà đầu tư yêu cầu. HBS hoặc các chi nhánh không đảm bảo các thông tin và ý kiến trong báo cáo là hoàn toàn chính xác, hợp lý, toàn diện và không có sai sót. HBS và chi nhánh không chịu trách nhiệm pháp lý về hậu quả thua lỗ hoặc thiệt hại về tài chính do sử dụng bản báo cáo này.

Các quan điểm thể hiện trong báo cáo là quan điểm cá nhân của người phân tích về chứng khoán hoặc công ty được phân tích. Người phân tích không phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp về kết luận hoặc khuyến nghị cụ thể nào trong bản báo cáo.

Nhà đầu tư nên tự tiến hành việc thẩm định thông tin trong báo cáo, bao gồm cả xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể, đồng thời tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn tài chính của mình về các vấn đề luật pháp, kinh doanh, tài chính, thuế trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào liên quan tới các chứng khoán được nêu trong báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

HBS – HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

34 Hai Bà Trưng – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tel.: (84 4) 39368866;

HBS RESEARCH

Trưởng phòng Phân tích và Tư vấn : Nguyễn Phúc Thịnh thinhnp@hbse.com.vn

Chuyên viên phân tích : Vũ Thái Hà havt@hbse.com.vn
Nguyễn Thị Kiều kieunt@hbse.com.vn
Lê Huy Cường cuonglh@hbse.com.vn
Trịnh Ngọc Duyên duyentn@hbse.com.vn